TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2021/DS-ST;
Ngày: 23/11/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Hoàng Hoa**

2/ Ông **Châu Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXX-ST ngày 12/11/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh T

Đại diện ủy quyền: Bà Huỳnh Hoàng P – sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường Hoàng V, phường , thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền G.

* Bị đơn:

1/ Bà Phan Phạm Thái Hồng C – sinh năm 1973;

2/ Ông Đỗ Kim M – sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh T

Chị P, chị C, anh M đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Hoàng P trình bày:*

Chị N là hụi viên do chị C làm chủ hụi. Chị N tham gia các dây hụi như sau :

1/ Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/03/2018, dây hụi này có 20 phần và chị N tham gia một phần, mỗi tháng khui một lần. Hụi đóng đến kỳ thứ 17 thì bể hụi. Tổng cộng dây hụi trên chị C còn nợ chị N là 1.000.000 đồng x 17 phần = 17.000.000 đồng.

2/ Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/11/2019, dây hụi có 20 phần và chị N tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần. Hụi này đóng hụi đến kỳ thứ 09 thì ngừng. Tổng cộng dây hụi trên chị C còn nợ chị N số tiền 1.000.000 đồng x 09 kỳ = 9.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải chị C thừa nhận nợ chị N số tiền nợ hụi là 20.800.000 đồng thì chị P cũng thống nhất, tuy nhiên chị C có trả cho chị N bớt 5.200.000 đồng. Tại đơn xin vắng mặt, chị P đồng ý chị C anh Kim M còn nợ lại chị Nga số tiền là 15.600.000 đồng. Việc chị C hứa khi nào có tiền sẽ trả cho chị N thì tôi không đồng ý.

Chị C làm chủ hụi đã nhiều năm (trên 10 năm), chồng của chị C là anh Kim M đều biết việc thu và giao tiền hụi của chị C. Ngoài ra, anh Kim M không có đi làm, không có thu nhập, các lợi ích có được từ việc làm chủ hụi chị C đều phục vụ cho sinh hoạt gia đình nên chị N yêu cầu anh Kim M có trách nhiệm liên đới trong việc trả tiền nợ hụi.

Do đó, chị N yêu cầu chị C cùng chồng là anh Kim M có trách nhiệm trả cho chị N số tiền 15.600.000 một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phan Phạm Thái Hồng C trình bày:*

Tôi thống nhất với chị N về số dây hụi chị N tham gia, thời gian khui hụi và thời gian bể hụi. Tôi thừa nhận có nợ chị N số tiền nợ hụi tổng cộng là 20.800.000 đồng, tôi đã trả cho chị N bớt 5.200.000 đồng. Hiện nay tôi chỉ còn nợ chị N số tiền 15.600.000 đồng. Tôi không hứa khi nào trả, khi nào có tiền tôi sẽ trả cho chị N. Việc tôi làm chủ hụi đã nhiều năm, chồng tôi biết tôi làm chủ hụi nhưng các giao dịch liên quan đến hụi thì chồng tôi không biết. Hiện nay tôi và anh Kim M là vẫn là vợ chồng. Số tiền có được từ việc làm chủ hụi thì tôi dùng vào việc chàng hụi cho các hụi viên khác.

** Tại bản tự khai ngày 05 tháng 11 năm 2021 bị đơn Đỗ Kim M trình bày:*

Tôi là chồng của chị C. Chị C là chủ hụi, việc chị C làm chủ hụi thì tôi biết. Tuy nhiên, các giao dịch liên quan đến hụi thì tôi không biết. Do nợ quá nhiều người tôi hết khả năng thanh toán nên tôi không đồng ý cùng chị C trả nợ hụi mà để chị C một mình trả nợ hụi, hiện nay tôi còn phải ở trọ thì làm gì có tiền để trả nợ cùng chị C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[1] Chị N khởi kiện yêu cầu chị C anh M trả cho chị số tiền nợ hụi, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do chị Châu anh Mộng có cùng hộ khẩu thường trú tại: ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh T nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T

[2] Chị P, chị C, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, chị C, anh M

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C thừa nhận có làm chủ 02 dây hụi: Dây hụi thứ 1 : Hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/03/2018, dây hụi này có 20 phần và chị N tham gia một phần, mỗi tháng khui một lần. Hụi đóng đến kỳ thứ 17 thì bể hụi, dây hụi này chị C còn nợ chị N là 1.000.000 đồng x 17 phần = 17.000.000 đồng. Dây hụi thứ 2 : Hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/11/2019, dây hụi có 20 phần và chị N tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần. Hụi này đóng hụi đến kỳ thứ 09 thì ngừng, dây hụi trên chị C còn nợ chị Nga số tiền 1.000.000 đồng x 09 kỳ = 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của chị N cùng chị C thống nhất chị C còn nợ chị N số tiền nợ hụi là 15.600.000 đồng.

Đối với việc chị N yêu cầu anh Kim M cùng chị C liên đới trả số tiền nợ hụi là 15.600.000 đồng. Chị C cho rằng số tiền thu được từ việc làm chủ hụi chị đã dùng để chàng tiền cho các hụi viên khác, tuy nhiên, việc chị C làm chủ hụi ở địa phương đã nhiều năm, việc chị làm chủ hụi thì anh Kim M biết. Anh Kim M thì cho rằng chị C nợ tiền nhiều người, bản thân anh đang ở trọ nên không đồng ý cùng chị C trả số tiền nợ hụi trên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C anh Kim M là vợ chồng, chị C làm chủ hụi thời gian dài và việc chị C làm chủ hụi thì anh Kim M biết, các giao dịch liên quan đến hụi phát sinh trong thời gian chị C anh Kim M là vợ chồng nên chị N yêu cầu chị C anh Kim M có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi cho chị là hoàn toàn có căn cứ.

Về thời gian trả nợ: Chị C trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mắc nợ nhiều người nên chị không có khả năng trả nợ một lần cho chị N, chị xin khi nào có tiền thì chị sẽ trả tiền cho chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị C xin trả nợ khi chị C có điều kiện là kéo dài thời gian trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N được pháp luật bảo vệ và cũng không được chị N đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chị N yêu cầu chị C anh Kim M có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền 15.600.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Phía nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là số tiền 10.400.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị N được chấp nhận nên chị C anh Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị N

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim M trả số tiền 10.400.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim M

Buộc chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim M phải chịu 780.000 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004946 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phan Phạm Thái Hồng C và anh Đỗ Kim M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh